

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HC-PT

Ngày 20/01/2026

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi
hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn V, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 245/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 432/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1942; vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963; có mặt

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1955; trú tại: L, xã B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, thành phố Hải Phòng (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND huyện C, tỉnh Hải Dương).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang S; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C; Vắng mặt

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND xã C, thành phố Hải Phòng (kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương);

2. Bà Hà Thị A, sinh năm 1973; Vắng mặt

3. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992; Vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1938; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương).

5. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1969; địa chỉ: số D khu T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số D khu T, phường T, 12, thành phố Hồ Chí Minh); Vắng mặt

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn P, phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên); Vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ E, khu phố H, phường C, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tổ E, khu phố H, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương); Vắng mặt

8. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: số E khu T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số 50 khu T, phường T, 12, thành phố Hồ Chí Minh); Vắng mặt

9. Cụ Trần Thị N, sinh năm 1912 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của cụ N:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1942; địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn N1, địa chỉ: Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1940 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông T1:

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn H, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn H, xã P, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn L, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn L, xã P, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; chỗ ở hiện nay: Hưng Yên; Vắng mặt

- Ông Trần Đình T2 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2: Bà Nguyễn Thị B1 (tên gọi khác Trần Thị B2), sinh năm 1953; địa chỉ: thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng (trước đây là thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt

10. Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện C, tỉnh Hải Dương (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư xã C, thành phố Hải Phòng); Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quốc C trình bày:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn D có 10 nhân khẩu được giao đất nông nghiệp 03 gồm: cụ Trần Thị N (mẹ đẻ ông Nguyễn Văn D), vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B, vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị A (con đẻ, con dâu của ông D, bà B), anh Nguyễn Thành Đ (con trai ông M) và 04 người con khác của ông D, bà B là ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn K. Trong tổng diện tích đất nông nghiệp được giao có thửa đất số 329, 75, 901 có tổng diện tích 5.804,4m² tại thôn Đồng Khê, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông D chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cụm C, toàn bộ diện tích đất tại thửa số 329, diện tích 1.417m², thửa số 75, diện tích 124,4m² và thửa số 901, diện tích 4.263m² của gia đình ông đã bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 2460/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C Khi thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, Hội đồng là BTHT&TĐC huyện C đã tiến hành kiểm kê đất nhưng gia đình ông không chấp hành nên Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024. Sau đó, Hội đồng là BTHT&TĐC huyện Cẩm G đã lập phương án bồi thường cho gia đình ông.

Ông không đồng ý với việc thu hồi đất và phương án bồi thường vì:

- Thứ nhất, năm 1993 khi thực hiện việc dồn điền đổi thửa, hộ gia đình ông có 10 nhân khẩu, mỗi khẩu phải bỏ ra 60m² để làm nương máng, nội đồng, tổng là 600m². Khi thu hồi đất, gia đình ông không được xem xét bồi thường đến diện tích đất này nên ông đề nghị được bồi thường thêm về phần diện tích đất này theo quy định;

- Thứ hai, gia đình ông bị thu hồi có một phần diện tích đã được chuyển đổi thành đất trang trại, gia đình ông đã đầu tư tiền để xây dựng đường đi vào trang trại nhưng không được kiểm đếm và bồi thường;

- Thứ ba, giá đất bồi thường theo Phương án bồi thường là 108 triệu đồng/1 sào Bắc bộ là rất thấp, theo ông giá bồi thường phải là 162 triệu đồng/1 sào vì đất gia đình ông bị thu hồi là đất trồng lúa loại 1, là kế sinh nhai duy nhất của người dân nông

thôn, nước muốn thu hồi đất thì phải thỏa thuận về giá với người có đất bị thu hồi để đảm bảo cuộc sống cho họ; ngoài ra đối với diện tích đất trang trại ông đề nghị giá bồi thường là 200 triệu đồng/1 sào.

- Thứ tư, gia đình ông đã đầu tư 100.000.000 đồng vào việc xây dựng đường đi, cổng vào trang trại, hiện nay đã bị tháo dỡ, ông đề nghị được bồi thường số tiền này;

- Thứ năm, gia đình ông có 9 nhân khẩu khi bị thu hồi đất nhưng Phương án bồi thường chỉ hỗ trợ tiền ổn định đời sống sản xuất cho 04 nhân khẩu là không đúng.

Do gia đình ông không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao đất nên ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Ông đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện C và Thanh tra tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, ông không nhận được văn bản trả lời đơn của Chủ tịch UBND huyện C mà chỉ nhận được Phiếu chuyển đơn của Thanh tra tỉnh Hải Dương. Ngày 06/12/2025, ông M đã nhận tiền bồi thường cho gia đình ông D, ông M, ông M cho rằng ông bị ép, dọa dẫm nhận tiền.

Nay ông D, ông M khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

1. Hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND huyện C về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc;

2. Hủy Quyết định số 2460 ngày 23/7/2024 của UBND huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp , dịch vụ thương mại L1, xã L, huyện C (đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M).

3. Hủy Quyết định hành chính số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M;

4. Buộc Chủ tịch UBND huyện C phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, mỗi người số tiền là 150.000 đồng;

5. Tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND huyện C về việc không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của Luật Khiếu nại.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (là UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C) đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Hội đồng BHTT&TĐC là ông Nguyễn Văn CI – Phó Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2460 ngày 23/7/2024 của UBND huyện C về việc thu hồi đất; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M và yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Ngày 22/3/2021, UBND huyện C ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND triển khai giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm C, dịch vụ thương mại L1, huyện C, tỉnh Hải Dương (gọi tắt là Dự án). Ngày 26/3/2021, UBND huyện

C ban hành Thông báo thu hồi đất số 291/TB-UBND. Ngày 02/10/2021, UBND huyện C, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện C và UBND xã L họp triển khai thu hồi đất giải phóng mặt bằng đến từng các hộ gia đình, cá nhân. Mặc dù đã được các cơ quan ban ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục phối hợp thực hiện kiểm đếm đất nhưng các hộ gia đình (trong đó có gia đình ông D, ông M) không chấp hành nên ngày 08/01/2024 Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 41/QĐ-UBND. Ngày 29/01/2024, Hội đồng BTHT&TĐC huyện lập biên bản kiểm kê đất và ngày 29/02/2024, lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp cho gia đình ông D, ông M. Ngày 14/3/2024, UBND huyện, Hội đồng BTHT&TĐC huyện và UBND xã L tổ chức tuyên truyền, vận động đối với các hộ gia đình, cá nhân có ý kiến, kiến nghị tại Nhà văn hóa thôn Đ2 đồng thời tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, gửi biên bản kiểm kê, phương án bồi thường, hỗ trợ đến từng hộ. Ngày 11/5/2024, Hội đồng BTHT&TĐC huyện cùng UBND xã L tiến hành đối thoại với các hộ gia đình, cá nhân còn ý kiến trong quá trình niêm yết công khai.

Ngày 23/7/2024, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2460/QĐ-UBND thu hồi tổng diện tích đất là 5.804,4m² thuộc các thửa số 329, diện tích 1.417m², thửa số 75, diện tích 124,4m² và thửa số 901, diện tích 4.263m², loại đất trồng lúa (LUC) do hộ gia đình ông Nguyễn Văn D đang sử dụng. Cùng ngày UBND huyện C ban hành Quyết định số 2482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại L1 tại xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương 11).

UBND huyện C và Hội đồng BTHT&TĐC huyện Cẩm Giàng phối hợp cùng UBND xã L và các cơ quan đoàn thể đã nhiều lần tiến hành vận động, thuyết phục nhưng hộ gia đình ông D, ông M không chấp hành quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường và bàn giao đất để giải phóng mặt bằng. Ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3653/QĐ-UBND đối với hộ gia đình ông D, ông M. Ngày 28/11/2024, Ban cưỡng chế thu hồi đất tổ chức buổi tuyên truyền vận động đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi không chấp hành bàn giao đất thu hồi và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày 06/12/2024, hộ gia đình ông Nguyễn Văn D (ông Nguyễn Văn M người được ủy quyền) đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất thu hồi, đồng thời đề nghị không phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Các Thông báo, Quyết định của UBND huyện C trong quá trình thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng đều đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã L và cơ sở thôn Đ, gửi đến từng hộ theo quy định. Như vậy, UBND huyện C đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án. Do vậy, UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông D, ông M đề nghị hủy các quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D, ông M cho rằng gia đình ông có 10 nhân khẩu, mỗi khẩu phải bỏ ra 60m² đất để làm nương máng, nội đồng, tổng là 600m². Khi thu hồi đất, không xem xét bồi thường đến diện tích đất này. Trình bày này của

ông D, ông M là không có căn cứ vì theo hồ sơ địa chính năm 2005 và Mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính số 07/2020 (được Sở Tài nguyên và trường tỉnh Hải Dương phê duyệt ngày 31/12/2020) thì diện tích đất giao cho hộ gia đình ông D tại các thửa bị thu hồi là thửa số 329, diện tích 1.417m², thửa số 75, diện tích 124,4m² và thửa số 901, diện tích 4.263m².

Về giá bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất: Dự án đầu tư xây dựng Cụm C, dịch vụ thương mại L1, huyện C, tỉnh Hải Dương là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất năm 2013. Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đối với diện tích đất chuyển đổi theo hợp đồng của gia đình ông D không nằm trong quy hoạch chuyển đổi cây trồng và nằm ngoài phương án phê duyệt, hỗ trợ. Việc gia đình ông D cho rằng giá bồi thường là thấp và hộ gia đình ông D phải được thỏa thuận về giá với chủ đầu tư là không có cơ sở chấp nhận.

2. Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND huyện C về việc không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của Luật Khiếu nại:

- Sau khi UBND huyện C ban hành các quyết định hành chính nêu trên, UBND huyện C đã nhận được Đơn ghi ngày 06/11/2024 của một số công dân, trong đó có ông Nguyễn Văn D do Ban tiếp công dân tỉnh Hải Dương chuyển đến. Chủ tịch UBND huyện đã giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư huyện xem xét, tham mưu giải quyết và trả lời công dân theo quy định tại Phiếu chuyển đơn số 193/BTCD-XLD ngày 14/11/2024. Ngày 06/11/2024, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện C đã trả lời đơn công dân tại Thông báo số 42/TB-HĐBT ngày 06/12/2024.

- Ngày 15/11/2024, UBND huyện C nhận được đơn của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M và một số công dân thôn Đ, xã L, huyện C (K theo *Phiếu chuyển đơn số 1463/TTr-VP ngày 03/12/2024 của Thanh tra tỉnh Hải Dương*) có nội dung trùng với đơn gửi Chủ tịch UBND huyện C, ghi là đơn khiếu nại về hành vi của UBND huyện không trả lời, giải quyết kiến nghị, khiếu nại lần đầu của công dân từ năm 2022 đến nay (*đến năm 2024*), liên quan đến việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại L1, huyện C Ngày 22/01/2025, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 13/TB-UBND về việc trả lời đơn của công dân.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện C đã tiếp nhận, xử lý và giải quyết nội dung đơn của ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M và một số công dân thôn Đ, xã L đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện C về việc không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của Luật nại là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã L trình bày: Thời điểm bồi thường, thu hồi đất gia đình ông Nguyễn Văn D có 04 nhân khẩu là ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn K. Theo quy định tại Điều 19 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì những nhân khẩu đã tách khẩu không được nhận hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, tìm việc

làm và hỗ trợ ổn định đời sống. Việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật. UBND xã L nhất trí với quan điểm của người bị kiện và không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B: Bà là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn M, bà ủy quyền toàn bộ cho ông Nguyễn Văn M trình bày toàn bộ nội dung giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Văn T1, ông T1 là con trai của cụ Trần Thị N. Cụ N chết năm 2003, do vậy ông T1 là người kế thừa, quyền nghĩa vụ của cụ Nguyễn Thị N3. Ông Nguyễn Văn T1 chết năm 2012, do vậy ông và các anh chị em của ông là người kế thừa, quyền nghĩa vụ của ông T1. Các anh, chị, em của ông hiện đều đang làm ăn xa, ông đã thông báo cho anh, chị, em của ông được biết về nội dung vụ án. Khi cụ N3 còn sống, cụ N3 đã cho gia đình ông D, ông M diện tích đất 03 mà cụ được giao nên anh, chị, em của ông và ông đều xác định không còn liên quan đến diện tích đất nông nghiệp mà gia đình nhà ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M bị thu hồi. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị B1 (tên gọi khác Trần Thị B2) trình bày: Bà là con của ông Trần Đình T2, ông T2 là con riêng của cụ N3. Khi còn sống cụ N3 chung sống cùng gia đình ông Nguyễn Văn D, nay cụ N3 đã chết, bà xác định không còn liên quan đến diện tích đất mà gia đình nhà ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M bị thu hồi, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 10/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng) đã quyết định: Căn cứ các Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 70, 71 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nước thu hồi đất; Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M.

- Hủy một phần Quyết định số 2482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nước thu hồi đất của UBND huyện C về nội dung hỗ trợ tiền ổn định đời sống, sản xuất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, đề nghị về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND huyện C về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc;

- Hủy Quyết định số 2460 ngày 23/7/2024 của UBND huyện C về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp , dịch vụ thương mại L1, xã L, huyện C (đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M).

- Hủy Quyết định hành chính số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M;

- Buộc Chủ tịch UBND huyện C phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, mỗi người số tiền là 150.000 đồng;

- Tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND huyện C về việc không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của Luật Khiếu nại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo;

Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có ý kiến thể hiện: Về tố tụng, đơn kháng cáo những người kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn D là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo và người đại diện theo ủy quyền không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 01/12/2024 ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M, khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2460 ngày 23/7/2024 của UBND huyện C về việc thu hồi đất; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày

08/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn D; tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện C không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của pháp luật. Các quyết định hành chính, hành vi hành chính nêu trên đã tác động trực tiếp đến quyền lợi của ông D, ông M, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu UBND huyện C phải bồi thường thiệt hại cho ông D, ông M với mỗi người số tiền là 150.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy những nội dung kháng cáo của người khởi kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, cụ thể:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; Quyết định số 2460/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2482/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nước thu hồi đất của UBND huyện C; Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 63, khoản 3 Điều 66, 67, khoản 3 Điều 69, điểm d khoản 1 Điều 69 và Điều 70, khoản 3, 4 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1] Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc: Do gia đình ông D, ông M không hợp tác trong việc kiểm đếm và không thực hiện việc kiểm đếm bắt buộc, mặc dù đã được vận động, thuyết phục và được nhận quyết định hợp pháp nhưng vẫn không thực hiện, cho nên Chủ tịch UBND huyện C đã ra Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc là đúng quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.2] Về diện tích đất thu hồi và được bồi thường: Căn cứ theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2005 và Sổ so sánh diện tích, loại đất theo chủ sử dụng sau khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2006, hộ gia đình ông D đang sử dụng tổng diện tích đất nông nghiệp là 6366 m², trong đó diện tích đất bị thu hồi để thực hiện Dự án là 5.804,4 m² tại thửa số 329, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.417m², thửa số 75, tờ bản đồ số 16, diện tích 117m² và thửa số 901, tờ bản đồ số 5 diện tích 4.263m², tất cả đều loại đất tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Theo Mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính số 07/2020, hệ tọa độ VN-2000, khu vực xã L (*đây là tờ bản đồ đo vẽ để thực hiện Dự án Cụm Công nghiệp, dịch vụ thương mại Lương Đ1, do Công ty P1, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương phê duyệt ngày 31/12/2020*) thể hiện vị trí đất bị thu hồi là thửa số 329, diện tích 1.417m², thửa số 75, diện tích 124,4m² và thửa số 901, diện tích 4.263m². Như vậy, tổng diện tích đất gia đình ông D đang sử dụng hợp pháp bị thu hồi là 5.804,4m². UBND huyện C quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất 5.804,4m² tại thửa số 329, 75 và 901 là có căn cứ.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn D cho rằng UBND huyện C phải bồi thường thêm diện tích đất của gia đình ông do mỗi nhân khẩu trong gia đình phải bỏ ra 60m² để làm nương máng, nội đồng vào năm 1993 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Về việc bồi thường khi thu hồi đất: Theo Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ và bồi thường khi nước thu hồi đất thực hiện dự án kèm theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND của UBND huyện C thì tổng số tiền hộ ông D được bồi thường là 1.762.488.000 đồng, gồm tiền bồi thường về đất; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm; tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Đối với tiền bồi thường về đất: Diện tích đất gia đình ông D được sử dụng hợp pháp 5.804,4m², loại đất trồng lúa (LUC). Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, giá đất nông nghiệp cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường GPMB khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại L1, Hội đồng BTHT&TĐC huyện C đã lập phương án bồi thường về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn D với đơn giá đất trồng cây hàng năm 75.000đ/1m² và UBND huyện C ra Quyết định phê duyệt là đúng quy định. Đối với dự án đầu tư xây dựng Cụm C, dịch vụ thương mại L1 thuộc trường hợp nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai. Việc ông D, ông M cho rằng khi thu hồi đất thì chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá với người dân và xác định giá đất bồi thường là 162 triệu đồng/1 sào B là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, hộ gia đình ông D còn được hỗ trợ khoản tiền ổn định đời sống và sản xuất đối với 04 nhân khẩu được giao ruộng và trực tiếp sản xuất tại thời điểm thu hồi là 21.168.000 đồng. Xét thấy tại thời điểm giao đất nông nghiệp 03, hộ gia đình ông D có 10 nhân khẩu được giao đất gồm ông D, bà B, ông M, bà Hà A, anh Đ, ông D1, ông K, Bà H, bà T, cụ N3 (hiện nay cụ N3 đã chết). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì cả

10 nhân khẩu nêu trên trong hộ gia đình ông D thuộc đối tượng được hỗ trợ tiền ổn định đời sống và sản xuất. Tuy nhiên, Phương án bồi thường và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường chỉ hỗ trợ tiền ổn định đời sống, sản xuất cho 04 nhân khẩu là chưa đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, M về việc xác định số nhân khẩu được hỗ trợ khoản tiền ổn định đời sống và sản xuất trong gia đình ông là 9 nhân khẩu do cụ N3 đã chết, tuyên hủy một phần Quyết định số ngày 23/7/2024 của UBND huyện C về khoản tiền hỗ trợ này là phù hợp.

[2.2.3] Bên cạnh đó, gia đình D, M còn được bồi thường tài sản, cây cối hoa màu là 119.778.000 đồng. Ông D tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất trang trại và trồng cây, dựng nhà trên phần đất bị thu hồi nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hỗ trợ cho gia đình ông 100.000.000 đồng vào việc xây dựng đường đi, cổng vào trang trại, hiện nay đã bị tháo dỡ.

[2.2.4]. Xét Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 30/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Như đã phân tích tại mục [2.1] thì Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 và Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của UBND huyện C được ban hành đúng quy định của pháp luật. Hộ gia đình ông D, ông M không đồng ý với việc thu hồi đất và phương án bồi thường nên không chấp hành quyết định, không bàn giao đất và không nhận tiền bồi thường. Hội đồng BTHT&TĐC huyện C đã phối hợp với UBND xã L, Ủy ban trấn quốc Việt Nam xã L đã nhiều lần tổ chức, tuyên truyền, vận động, thuyết phục gia đình ông D nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng gia đình ông D không chấp hành quyết định thu hồi đất. Ngày 20/11/2024, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 3653/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Quyết định này đã được giao cho hộ gia đình ông D và niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá thôn Đ. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 thì việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện Dự án là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.5] Xét yêu cầu của ông D, ông M về việc đề nghị Tòa án buộc UBND huyện C phải bồi thường thiệt hại cho mỗi người số tiền 150.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, các quyết định hành chính của UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C đều được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông D, ông M.

[2.2.6] Xét yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện C không giải quyết khiếu nại của ông D, ông M là trái quy định của Luật Khiếu nại, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 13/11/2024, UBND huyện C nhận được đơn kiến nghị ghi ngày 06/11/2024 của một số công dân, trong đó có ông Nguyễn Văn D thôn Đ, xã L, huyện C do Ban Tiếp công dân tỉnh Hải Dương chuyển đến theo Phiếu chuyển đơn số 275/BTCD-XLD ngày 08/11/2024; nội dung đơn liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm C, dịch vụ thương mại

L1, huyện C Chủ tịch UBND huyện C đã giao cho Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư huyện C xem xét, tham mưu giải quyết và trả lời công dân tại Phiếu chuyển đơn số 193/BTCD-XLD ngày 14/11/2024. Ngày 06/12/2024, ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Văn M người được ủy quyền) có đơn xin rút toàn bộ nội dung kiến nghị, khiếu nại, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện C đã ban hành Thông báo số 42/TB-HĐBT về việc trả lời ý kiến, kiến nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã L, trong đó có ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M.

Sau đó, UBND huyện C tiếp tục nhận được đơn khiếu nại ghi ngày 15/11/2024 của ông D khiếu nại về hành vi của UBND huyện không trả lời, giải quyết kiến nghị, khiếu nại lần đầu của công dân từ năm 2022 đến năm 2024, liên quan đến việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp, dịch vụ thương mại L1, huyện C Sau khi nhận được Đơn khiếu nại của ông D, Chủ tịch UBND huyện C đã giao Ban công dân huyện C phối hợp với Thanh tra huyện tham mưu, xử lý đơn của ông D. Ngày 09/12/2024, Ban Tiếp Công dân huyện C đã gửi Giấy mời ông D đến UBND huyện C để làm rõ nội dung đơn. Ngày 16/12/2024, Ban công dân huyện C phối hợp với Thanh tra huyện đã tổ chức buổi làm việc với ông D cùng một số hộ dân khác có đơn.

Tại buổi làm việc, ông D, ông M cùng một số hộ dân thống nhất trình bày các ông bà không có bất kỳ đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo nào gửi UBND huyện C để yêu cầu giải quyết mà chỉ có đơn kiến nghị ghi ngày 06/11/2024 gửi Bí thư ủy và Chủ tịch UBND tỉnh H, đã được Ban Tiếp công dân tỉnh Hải Dương chuyển đến Chủ tịch UBND huyện C Ông D, ông M đã nhận được Thông báo số 42/TB-HĐBT ngày 06/12/2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện trả lời ý kiến, kiến nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã L khi nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cụm C, dịch vụ thương mại Lương Điền . Cũng tại buổi làm việc này, ông D, ông M đề nghị được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp mức hỗ trợ 5 lần theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đề nghị trả lại các hộ gia đình phần diện tích đất nông nghiệp 60m²/khẩu đã để ra để mở rộng đường nội đồng và làm mương máng phục vụ sản xuất khi thực hiện ô đổi thửa năm 2003.

Sau khi xem xét nội dung đơn, kết quả làm việc với công dân, báo cáo kết quả xác minh của UBND xã L, ngày 22/01/2025 Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 13/TB-UBND về việc trả lời ý kiến, kiến nghị của công dân tại thôn Đ, xã L, trong đó có đơn của ông Nguyễn Văn D. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện C đã tiếp nhận, xử lý và giải quyết nội dung đơn của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn M đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị phản ánh.

[3] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn M là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó,

Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên do ông M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn M; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm 10/2025/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

2. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn M được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- THADS Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực